ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3656 /QĐ-UBND	*Huế, ngày 09 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Công Thương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 309/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 367/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 13/2026/TT-BTP ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số nội dung về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 14/2026/TT-BTP ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 2686/QĐ-BCT ngày 15 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 4549/TTr-SCT ngày 03 tháng 11 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục 296 dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Công Thương, gồm 184 dịch vụ công trực tuyến toàn trình và 112 dịch vụ công trực tuyến một phần. Trong đó:

1. Cấp tỉnh: 288 dịch vụ công trực tuyến thuộc 29 lĩnh vực, gồm 181 dịch vụ công trực tuyến toàn trình và 107 dịch vụ công trực tuyến một phần.

2. Cấp xã: 8 dịch vụ công trực tuyến thuộc 6 lĩnh vực, gồm 3 dịch vụ công trực tuyến toàn trình và 5 dịch vụ công trực tuyến một phần.

(Phụ lục danh mục kèm theo).

Điều 2. Sở Công Thương, Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, UBND các xã, phường có trách nhiệm niêm yết, công khai và triển khai thực hiện giải quyết TTHC liên quan theo hướng dẫn tại Quyết định số 2686/QĐ-BCT ngày 15 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thay thế Quyết định số 2311/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Huế về ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Công Thương.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc Sở Công Thương; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- CT và các PCT UBND thành phố;
- VPUBND: CVP, các PCVP;
- Trung tâm PVHCC thành phố;
- Cổng TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, KSTH.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ

Hà Văn Tuấn

DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH VÀ DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 3656/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Trực tuyến toàn trình	Trực tuyến một phần
A	**CẤP TỈNH**	**288**	**181**	**107**
1	**Lĩnh vực Xúc tiến thương mại**	**15**	**10**	**5**
1	Thông báo hoạt động khuyến mại 2.000033	Cấp tỉnh	x	
2	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại 2.001474	Cấp tỉnh	x	
3	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương 2.000004	Cấp tỉnh	x	
4	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương 2.000002	Cấp tỉnh	x	
5	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại Việt Nam 2.000131	Cấp tỉnh	x	
6	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam. 2.000001	Cấp tỉnh	x	
7	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam. 2.002604	Cấp tỉnh		x
8	Sửa đổi giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam. 2.002605	Cấp tỉnh		x
9	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam. 2.002606	Cấp tỉnh		x

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Trực tuyến toàn trình	Trực tuyến một phần
10	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam. 2.002607	Cấp tỉnh		x
11	Chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam. 2.002608	Cấp tỉnh		x
12	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại nước ngoài 2.000026	Cấp tỉnh	x	
13	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài. 2.000133	Cấp tỉnh	x	
14	Thành lập Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng 1.115399	Cấp tỉnh	x	
15	Chấm dứt hoạt động của Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng 1.115400	Cấp tỉnh	x	
2	**Lĩnh vực Giám định thương mại**	**2**	**0**	**2**
16	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại 1.005190	Cấp tỉnh		x
17	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại 2.000110	Cấp tỉnh		x
3	**Lĩnh vực Thương mại quốc tế**	**26**	**26**	**0**
18	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam 2.000063	Cấp tỉnh	x	
19	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam 2.000450	Cấp tỉnh	x	
20	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam 2.000347	Cấp tỉnh	x	

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Trực tuyến toàn trình	Trực tuyến một phần
21	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam 2.000327	Cấp tỉnh	x	
22	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của Cơ quan cấp Giấy phép 2.000314	Cấp tỉnh	x	
23	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa 2.000255	Cấp tỉnh	x	
24	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn 2.000370	Cấp tỉnh	x	
25	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí 2.000362	Cấp tỉnh	x	
26	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP 2.000351	Cấp tỉnh	x	
27	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 2.000340	Cấp tỉnh	x	
28	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 2.000330	Cấp tỉnh	x	
29	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP 2.000272	Cấp tỉnh	x	

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Trực tuyến toàn trình	Trực tuyến một phần
30	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) 2.000361	Cấp tỉnh	x	
31	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) 1.000774	Cấp tỉnh	x	
32	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ 2.000339	Cấp tỉnh	x	
33	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện dích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m2 2.000334	Cấp tỉnh	x	
34	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại 2.000322	Cấp tỉnh	x	
35	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini 2.002166	Cấp tỉnh	x	
36	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ 2.000665	Cấp tỉnh	x	
37	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ 1.001441	Cấp tỉnh	x	
38	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động 2.000662	Cấp tỉnh	x	
39	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam 1.000376	Cấp tỉnh	x	

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Trực tuyến toàn trình	Trực tuyến một phần
40	Cấp lại Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam 1.000361	Cấp tỉnh	x	
41	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam 2.000129	Cấp tỉnh	x	
42	Gia hạn Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam 1.000358	Cấp tỉnh	x	
43	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam 1.000168	Cấp tỉnh	x	
4	**Lĩnh vực Điện lực**	**16**	**13**	**3**
44	Cấp giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia 1.013004	Cấp tỉnh	x	
45	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia 1.013005	Cấp tỉnh	x	
46	Thông báo phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia 2.002676	Cấp tỉnh	x	
47	Phê duyệt danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp 1.013394	Cấp tỉnh	x	
48	Điều chỉnh danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp 1.013395	Cấp tỉnh	x	
49	Cấp giấy phép hoạt động phát điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1.013401	Cấp tỉnh		x
50	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1.013411	Cấp tỉnh		x
51	Cấp giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1.013412	Cấp tỉnh	x	

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Trực tuyến toàn trình	Trực tuyến một phần
52	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1.013416	Cấp tỉnh	x	
53	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng) 1.013417	Cấp tỉnh		x
54	Cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1.013418	Cấp tỉnh	x	
55	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1.013419	Cấp tỉnh	x	
56	Thu hồi giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1.013421	Cấp tỉnh	x	
57	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng 1.013420	Cấp tỉnh	x	
58	Chấp thuận nhà đầu tư dự án lưới điện 3.000619	Cấp tỉnh	x	
59	Điều chỉnh Quyết định chấp thuận nhà đầu tư dự án lưới điện 3.000620	Cấp tỉnh	x	
5	**Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp**	**15**	**1**	**14**
60	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp 2.000229	Cấp tỉnh		x
61	Cấp lại chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp 2.000210	Cấp tỉnh		x
62	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương 2.000221	Cấp tỉnh		x

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Trực tuyến toàn trình	Trực tuyến một phần
63	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương 2.000172	Cấp tỉnh		x
64	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 2.001434	Cấp tỉnh		x
65	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 2.001433	Cấp tỉnh		x
66	Thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ 1.003401	Cấp tỉnh		x
67	Cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1.013058	Cấp tỉnh		x
68	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ 1.000998	Cấp tỉnh		x
69	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ 1.000965	Cấp tỉnh		x
70	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp 2.000578	Cấp tỉnh	x	
71	Đăng ký mới để nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp 1.013049	Cấp tỉnh		x
72	Đăng ký bổ sung để nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp 1.013050	Cấp tỉnh		x
73	Cấp Giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp 2.001575	Cấp tỉnh		x
74	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp 1.003698	Cấp tỉnh		x

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Trực tuyến toàn trình	Trực tuyến một phần
6	**Lĩnh vực Quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện**	**8**	**0**	**8**
75	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 2.001322	Cấp tỉnh		x
76	Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 2.001292	Cấp tỉnh		x
77	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 2.001313	Cấp tỉnh		x
78	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 2.001300	Cấp tỉnh		x
79	Điều chỉnh phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1.013398	Cấp tỉnh		x
80	Thẩm định, phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1.013399	Cấp tỉnh		x
81	Điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1.013400	Cấp tỉnh		x
82	Phê duyệt phương án cắm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện 2.001384	Cấp tỉnh		x
7	**Lĩnh vực Hóa chất**	**31**	**18**	**13**
83	Cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1.014722	Cấp tỉnh	x	

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Trực tuyến toàn trình	Trực tuyến một phần
84	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1.014724	Cấp tỉnh	x	
85	Thủ tục cấp điều chỉnh Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1.014726	Cấp tỉnh	x	
86	Thủ tục cấp Giấy phép sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 1.014728	Cấp tỉnh		x
87	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 1.014732	Cấp tỉnh		x
88	Thủ tục cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 1.014735	Cấp tỉnh		x
89	Thủ tục cấp lại Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất kiểm soát đặc biệt nhóm 2 1.014734	Cấp tỉnh	x	
90	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 1.014733	Cấp tỉnh		x
91	Thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 1.014731	Cấp tỉnh	x	
92	Thủ tục cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 1.014730	Cấp tỉnh	x	
93	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 1.014729	Cấp tỉnh	x	
94	Thủ tục cấp gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 2.002836	Cấp tỉnh	x	

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Trực tuyến toàn trình	Trực tuyến một phần
95	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc UBND cấp tỉnh 1.014727	Cấp tỉnh		x
96	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc UBND cấp tỉnh 1.014725	Cấp tỉnh	x	
97	Thủ tục cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc UBND cấp tỉnh 1.014723	Cấp tỉnh		x
98	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện 1.014721	Cấp tỉnh		x
99	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện 1.014720	Cấp tỉnh		x
100	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất có điều kiện 1.014714	Cấp tỉnh		x
101	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện 2.002834	Cấp tỉnh	x	
102	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện 1.014710	Cấp tỉnh		x
103	Thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất 1.003683	Cấp tỉnh		x
104	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1 1.014700	Cấp tỉnh	x	
105	cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1 1.014701	Cấp tỉnh	x	
106	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1 1.014702	Cấp tỉnh	x	

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Trực tuyến toàn trình	Trực tuyến một phần
107	cấp gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1 1.014703	Cấp tỉnh	x	
108	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm 1.014707	Cấp tỉnh	x	
109	Thủ tục cấp lại Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm 1.014708	Cấp tỉnh	x	
110	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm 1.014709	Cấp tỉnh	x	
111	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc Bộ Công Thương quản lý 1.014711	Cấp tỉnh		x
112	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc Bộ Công Thương quản lý 1.014712	Cấp tỉnh	x	
113	cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc Bộ Công Thương quản lý 1.014713	Cấp tỉnh		x
8	**Lĩnh vực An toàn thực phẩm**	**10**	**0**	**10**
114	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm 2.000591	Cấp tỉnh		x
115	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm 2.000535	Cấp tỉnh		x
116	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước 2.001682	Cấp tỉnh		x
117	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước 1.003951	Cấp tỉnh		x

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Trực tuyến toàn trình	Trực tuyến một phần
118	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước 2.001660	Cấp tỉnh		x
119	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm 1.003860	Cấp tỉnh		x
120	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm 2.001595	Cấp tỉnh		x
121	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm 1.003929	Cấp tỉnh		x
122	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm 2.000117	Cấp tỉnh		x
123	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm 2.000115	Cấp tỉnh		x
9	**Lĩnh vực Nghề Thủ công mỹ nghệ**	**1**	**0**	**1**
124	Xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ tại Hội đồng cấp tỉnh 1.012471	Cấp tỉnh		x
10	**Lĩnh vực Thi đua khen thưởng**	**1**	**0**	**1**
125	Thủ tục xét tặng danh hiệu Nghệ nhân Thừa Thiên Huế trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ 1.010947	Cấp tỉnh		x
11	**Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa**	**9**	**7**	**2**
126	Cấp Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ 1.010696	Cấp tỉnh	x	
127	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương 2.000666	Cấp tỉnh	x	

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Trực tuyến toàn trình	Trực tuyến một phần
128	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương 2.000664	Cấp tỉnh	x	
129	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu 2.000669	Cấp tỉnh	x	
130	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu 2.000672	Cấp tỉnh	x	
131	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu 2.000648	Cấp tỉnh		x
132	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu 2.000673	Cấp tỉnh		x
133	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu 2.000645	Cấp tỉnh	x	
134	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu 2.000647	Cấp tỉnh	x	
12	**Lĩnh vực Hoạt động xây dựng**	**5**	**0**	**5**
135	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh 1.013239	Cấp tỉnh		x
136	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh 1.013234	Cấp tỉnh		x

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Trực tuyến toàn trình	Trực tuyến một phần
137	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình (đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng kiểm tra nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng và cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành) 1.009794	Cấp tỉnh		x
138	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh 1.009788	Cấp tỉnh		x
139	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ) 1.009791	Cấp tỉnh		x
13	**Lĩnh vực Thương mại biên giới và miền núi**	**1**	**1**	**0**
140	Đăng ký thương nhân hoạt động thương mại biên giới Việt Nam - Lào 2.001272	Cấp tỉnh	x	
14	**Lĩnh vực quản lý bán hàng đa cấp**	**6**	**5**	**1**
141	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương 2.000309	Cấp tỉnh	x	
142	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương 2.000631	Cấp tỉnh	x	
143	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp 2.000609	Cấp tỉnh	x	
144	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp 2.001573	Cấp tỉnh	x	
145	Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp 1.003705	Cấp tỉnh	x	

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Trực tuyến toàn trình	Trực tuyến một phần
146	Xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương 2.000324	Cấp tỉnh		x
15	**Lĩnh vực Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng**	**1**	**1**	**0**
147	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương 2.000191	Cấp tỉnh	x	
16	**Lĩnh vực Chất lượng sản phẩm hàng hóa**	**1**	**0**	**1**
148	Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy các sản phẩm, hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia 2.000046	Cấp tỉnh		x
17	**Lĩnh vực Cụm công nghiệp**	**1**	**0**	**1**
149	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp 1.012427	Cấp tỉnh		x
18	**Lĩnh vực Tài sản kết cấu hạ tầng chợ**	**1**	**0**	**1**
150	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý 1.012567	Cấp tỉnh		x
19	**Lĩnh vực Khoáng sản**	**4**	**0**	**4**
151	Thủ tục hành chính cấp tỉnh: Phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1.013652	Cấp tỉnh		x
152	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản 1.014125	Cấp tỉnh		x
153	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản 1.014126	Cấp tỉnh		x
154	Thu hồi giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản 1.014127	Cấp tỉnh		x
20	**Lĩnh vực Dầu khí**	**1**	**0**	**1**
155	Chấp thuận các tài liệu quản lý an toàn đối với các công trình dầu khí thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1.013987	Cấp tỉnh		x

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Trực tuyến toàn trình	Trực tuyến một phần
21	**Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng**	**8**	**8**	**0**
156	Cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá 1.000981	Cấp tỉnh	x	
157	Cấp lại Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá 1.000948	Cấp tỉnh	x	
158	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá 1.000911	Cấp tỉnh	x	
159	Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại 2.000209	Cấp tỉnh	x	
160	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá 1.000172	Cấp tỉnh	x	
161	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu 1.000949	Cấp tỉnh	x	
162	Nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước 1.001335	Cấp tỉnh	x	
163	Cấp phép nhập khẩu tự động thuốc lá điếu, xì gà 1.000363	Cấp tỉnh	x	
22	**Lĩnh vực Công nghiệp hỗ trợ**	**3**	**0**	**3**
164	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa 1.001158	Cấp tỉnh		x
165	Cấp điều chỉnh Giấy xác nhận ưu đãi thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1.014818	Cấp tỉnh		x

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Trực tuyến toàn trình	Trực tuyến một phần
166	Cấp lại Giấy xác nhận ưu đãi thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1.014820	Cấp tỉnh		x
23	**Lĩnh vực An toàn vệ sinh lao động**	**2**	**0**	**2**
167	Cấp chứng chỉ kiểm định viên 2.000140	Cấp tỉnh		x
168	Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên 2.000066	Cấp tỉnh		x
24	**Lĩnh vực Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm**	**6**	**3**	**3**
169	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 1 (trừ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ), 2, 3, 4, 9 1.014967	Cấp tỉnh	x	
170	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 1 (trừ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ), 2, 3, 4, 9 1.014968	Cấp tỉnh	x	
171	Thủ tục cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 1 (trừ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ), 2, 3, 4, 9 1.014969	Cấp tỉnh	x	
172	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8 1.013340	Cấp tỉnh		x
173	Cấp điều chỉnh Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8 1.013350	Cấp tỉnh		x
174	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8 1.013351	Cấp tỉnh		x
25	**Lĩnh vực Hội nhập kinh tế quốc tế**	**2**	**2**	**0**
175	Phê duyệt đề xuất hỗ trợ đối với Thành viên của Hệ sinh thái tận dụng các FTA 1.115397	Cấp tỉnh	x	
176	Phê duyệt đề xuất sửa đổi hoặc ngừng thực hiện đề xuất hỗ trợ của Thành viên của Hệ sinh thái tận dụng các FTA 1.115398	Cấp tỉnh	x	

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Trực tuyến toàn trình	Trực tuyến một phần
26	**Lĩnh vực Địa chất và khoáng sản**	**35**	**11**	**24**
177	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản 1.116644	Cấp tỉnh	x	
178	Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1.116652	Cấp tỉnh		x
179	Cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản 1.116653	Cấp tỉnh		x
180	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản 1.116654	Cấp tỉnh		x
181	Điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản 1.116655	Cấp tỉnh		x
182	Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản 1.116656	Cấp tỉnh		x
183	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản 1.116657	Cấp tỉnh		x
184	Thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản 1.116649	Cấp tỉnh	x	
185	Chấp thuận thay đổi nội dung đề án thăm dò khoáng sản, xác định trữ lượng khoáng sản đi kèm 1.116646	Cấp tỉnh	x	
186	Bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn 1.116651	Cấp tỉnh	x	
187	Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1.116650	Cấp tỉnh	x	
188	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản 1.116675	Cấp tỉnh		x
189	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV 1.116676	Cấp tỉnh	x	

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Trực tuyến toàn trình	Trực tuyến một phần
190	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1.116645	Cấp tỉnh	x	
191	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1.116658	Cấp tỉnh		x
192	Cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1.116659	Cấp tỉnh		x
193	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1.116660	Cấp tỉnh		x
194	Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1.116661	Cấp tỉnh		x
195	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1.116662	Cấp tỉnh		x
196	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1.116680	Cấp tỉnh		x
197	Cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1.116663	Cấp tỉnh		x
198	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy phép thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1.116673	Cấp tỉnh	x	
199	Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản 1.116664	Cấp tỉnh		x

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Trực tuyến toàn trình	Trực tuyến một phần
200	Điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt 1.116665	Cấp tỉnh		x
201	Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản 1.116666	Cấp tỉnh		x
202	Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản 1.116667	Cấp tỉnh		x
203	Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản 1.116668	Cấp tỉnh		x
204	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản 1.116669	Cấp tỉnh		x
205	Điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản 1.116670	Cấp tỉnh		x
206	Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản 1.116671	Cấp tỉnh		x
207	Chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản 1.116672	Cấp tỉnh		x
208	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1.116674	Cấp tỉnh		x
209	Chấp thuận thăm dò, khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản 1.116648	Cấp tỉnh	x	
210	Chấp thuận việc lấy mẫu để nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ chế biến khoáng sản 1.116647	Cấp tỉnh	x	
211	Chấp thuận nội dung đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc thực hiện dự án đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia 1.116677	Cấp tỉnh	x	

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Trực tuyến toàn trình	Trực tuyến một phần
27	**Lĩnh vực Quản lý Vùng trời**	**1**	**0**	**1**
212	Thủ tục chấp thuận điều kiện nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác 1.014692	Cấp tỉnh		x
28	**Lĩnh vực Xuất nhập khẩu**	**70**	**69**	**1**
213	Thủ tục gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh 1.013778	Cấp tỉnh	x	
214	Cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam 1.000350	Cấp tỉnh	x	
215	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam 1.005405	Cấp tỉnh	x	
216	Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam 1.005406	Cấp tỉnh	x	
217	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất 1.001062	Cấp tỉnh	x	
218	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác 1.000957	Cấp tỉnh	x	
219	Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập 1.000905	Cấp tỉnh	x	
220	Thủ tục Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu 1.000890	Cấp tỉnh	x	
221	Thủ tục cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật 1.000477	Cấp tỉnh	x	

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Trực tuyến toàn trình	Trực tuyến một phần
222	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép quá cảnh hàng hóa 1.000421	Cấp tỉnh	x	
223	Cấp chứng thư xuất khẩu cho hàng dệt may xuất khẩu sang Mêhico 1.000400	Cấp tỉnh	x	
224	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu 1.001238	Cấp tỉnh	x	
225	Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương 1.001104	Cấp tỉnh	x	
226	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm xuất, tái nhập; Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu 1.004191	Cấp tỉnh	x	
227	Đăng ký xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan xuất khâu mật ong tự nhiên sang Nhật Bản 1.000264	Cấp tỉnh	x	
228	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu VI 1.014119	Cấp tỉnh	x	
229	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu D 1.000665	Cấp tỉnh	x	
230	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu E 1.000695	Cấp tỉnh	x	
231	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AK 1.000603	Cấp tỉnh	x	
232	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AJ 1.000432	Cấp tỉnh	x	
233	Xuất nhập khẩu Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AI 2.000303	Cấp tỉnh	x	

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Trực tuyến toàn trình	Trực tuyến một phần
234	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AANZ 1.000694	Cấp tỉnh	x	
235	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu S 1.000676	Cấp tỉnh	x	
236	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu X 2.000260	Cấp tỉnh	x	
237	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VJ 1.000686	Cấp tỉnh	x	
238	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VC 1.000664	Cấp tỉnh	x	
239	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VK 1.000431	Cấp tỉnh	x	
240	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu EAV 1.000382	Cấp tỉnh	x	
241	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi một chiều mẫu A 1.000490	Cấp tỉnh	x	
242	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) không ưu đãi mẫu B 1.000450	Cấp tỉnh	x	
243	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu DA59 (cho hàng hóa xuất khẩu đi Châu Phi) 1.000430	Cấp tỉnh	x	
244	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu ICO (cho hàng cà phê xuất khẩu) 1.000398	Cấp tỉnh	x	
245	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Peru 1.003477	Cấp tỉnh	x	
246	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Thổ Nhĩ Kỳ 1.003400	Cấp tỉnh	x	

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Trực tuyến toàn trình	Trực tuyến một phần
247	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Venezuela 1.002960	Cấp tỉnh	x	
248	Cấp lại Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) 1.001383	Cấp tỉnh	x	
249	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) giáp lưng 1.003522	Cấp tỉnh	x	
250	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu CPTPP 2.001372	Cấp tỉnh	x	
251	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu AHK 1.007968	Cấp tỉnh	x	
252	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VN-CU 1.008361	Cấp tỉnh	x	
253	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu EUR.1 1.008667	Cấp tỉnh	x	
254	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu EUR.1 trong UKVFTA 1.010056	Cấp tỉnh	x	
255	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu RCEP 1.010762	Cấp tỉnh	x	
256	Cấp Giấy chứng nhận hàng hóa không thay đổi xuất xứ (CNM) 1.001274	Cấp tỉnh	x	
257	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu GSTP 1.013642	Cấp tỉnh	x	
258	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu BR9 1.013643	Cấp tỉnh	x	
259	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu UAE-VN 1.115117	Cấp tỉnh	x	

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Trực tuyến toàn trình	Trực tuyến một phần
260	Cấp Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN 1.000366	Cấp tỉnh	x	
261	Cấp sửa đổi, bổ sung Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN 1.008882	Cấp tỉnh	x	
262	Thủ tục đăng ký kinh doanh tại khu (điểm) chợ biên giới 1.002939	Cấp tỉnh		x
263	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương 1.012168	Cấp tỉnh	x	
264	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA 1.012527	Cấp tỉnh	x	
265	Thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa đã có quyết định tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu nhằm phục vụ mục đích đặc dụng, bảo hành, phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, bảo vệ quốc phòng, an ninh 2.001282	Cấp tỉnh	x	
266	Thủ tục cấp giấy phép thương nhân thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài 1.013771	Cấp tỉnh	x	
267	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép gia công hàng hóa 1.116351	Cấp tỉnh	x	
268	Gia hạn thời gian quá cảnh hàng hóa của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 1.001379	Cấp tỉnh	x	

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Trực tuyến toàn trình	Trực tuyến một phần
269	Thay đổi cửa khẩu xuất khẩu, nhập khẩu quá cảnh hàng hóa của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2.000654	Cấp tỉnh	x	
270	Cấp phép quá cảnh hàng hoá của Công hoà dân chủ nhân dân Lào qua lãnh thổ Việt Nam 2.000006	Cấp tỉnh	x	
271	Gia hạn giấy phép quá cảnh hàng hóa đối với hàng hóa là vũ khí, đạn dược, vật liệu nổ và trang thiết bị quân sự phục vụ vào mục đích an ninh, quốc phòng của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào qua lãnh thổ Việt nam 1.013982	Cấp tỉnh	x	
272	Cấp giấy phép quá cảnh đối với hàng hóa thuộc danh mục cấm của Việt Nam nhưng không thuộc danh mục cấm của Campuchia 2.000521	Cấp tỉnh	x	
273	Cấp giấy phép quá cảnh đối với hàng hóa thuộc danh mục cấm Campuchia 1.000678	Cấp tỉnh	x	
274	Cấp giấy phép quá cảnh đối với mặt hàng gỗ các loại đã qua xử lý 1.001051	Cấp tỉnh	x	
275	Cấp phép tiêu thụ hàng hóa quá cảnh 2.000517	Cấp tỉnh	x	
276	Cấp Giấy phép quá cảnh đối với hàng hóa của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 1.001382	Cấp tỉnh	x	
277	Thủ tục cấp Giấy phép sản xuất, gia công quân phục cho các lực lượng vũ trang nước ngoài 2.001192	Cấp tỉnh	x	
278	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép sản xuất, gia công quân phục cho lực lượng vũ trang nước ngoài 1.002808	Cấp tỉnh	x	
279	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu mẫu quân phục 2.001315	Cấp tỉnh	x	

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Trực tuyến toàn trình	Trực tuyến một phần
280	Thủ tục xác nhận nhập khẩu kim cương thô theo Quy chế chứng nhận KP 1.116562	Cấp tỉnh	x	
281	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại do mất, thất lạc, hư hỏng Giấy chứng nhận KP đối với kim cương thô xuất khẩu theo Quy chế Chứng nhận KP 1.116563	Cấp tỉnh	x	
282	Giấy chứng nhận KP đối với kim cương thô xuất khẩu theo Quy chế Chứng nhận KP 1.000658	Cấp tỉnh	x	
29	**Lĩnh vực Thương mại điện tử**	**6**	**6**	**0**
283	Thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến 1.115417	Cấp tỉnh	x	
284	Sửa đổi, bổ sung thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến 1.115418	Cấp tỉnh	x	
285	Chấm dứt thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến 1.115419	Cấp tỉnh	x	
286	Cấp phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại 1.115420	Cấp tỉnh	x	
287	Sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại 1.115421	Cấp tỉnh	x	
288	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại 1.115422	Cấp tỉnh	x	

STT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Trực tuyến toàn trình	Trực tuyến một phần
B	**CẤP XÃ**	**8**	**3**	**5**
1	**Lĩnh vực Quản lý An toàn đập, hồ chức thuỷ điện**	**1**	**0**	**1**
1	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã 2.000206	Cấp xã		x
2	**Lĩnh vực Bảo vệ Quyền lợi người tiêu dùng**	**1**	**1**	**0**
2	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên 2.002620	Cấp xã	x	
3	**Lĩnh vực Tài sản kết cấu hạ tầng chợ**	**2**	**0**	**2**
3	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý 1.012568	Cấp xã		x
4	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ 1.012569	Cấp xã		x
4	**Lĩnh vực Công nghiệp, Cụm công nghiệp**	**1**	**0**	**1**
5	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp 1.012427	Cấp xã		x
5	**Lĩnh vực Điện lực**	**1**	**1**	**0**
6	Thông báo phát triển nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ đấu nối với hệ thống điện quốc gia tại cấp điện áp hạ áp 1.115377	Cấp xã	x	
6	**Lĩnh vực Địa chất và khoáng sản**	**2**	**1**	**1**
7	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã 1.116679	Cấp xã		x
8	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã 1.116678	Cấp xã	x	